

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ DĨ AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 119/2018/HS-ST
Ngày 22-5-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Ngà.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Hoàn;
2. Bà Trần Thị Ngọc.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Quyết, là Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 89/2018/TLST-HS ngày 11 tháng 4 năm 2018 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 121/2018/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 5 năm 2018 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn T, sinh năm 1988 tại tỉnh G; thường trú: Ấp C, xã A, huyện B, tỉnh G; tạm trú: Ấp P, xã H, huyện T1, tỉnh N; nghề nghiệp: Thợ phụ hồ; trình độ học vấn: Không biết chữ; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Nguyễn Văn Rồi, sinh năm 1962 và bà Nguyễn Thị E, sinh năm 1958; bị cáo có 02 em ruột, lớn nhất sinh năm 1991, nhỏ nhất sinh năm 1993; vợ bị cáo tên Trần Thị Y, sinh năm 1984 và 02 người con, lớn sinh năm 2010, nhỏ sinh năm 2012; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 01/12/2017 đến nay. Bị cáo có mặt.

- Người bị hại: Nguyễn Thị Diễm, sinh năm 1981; địa chỉ: Số 115A, khu phố C1, phường Đ, thị xã D, tỉnh B1. Vắng mặt.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Trần Thị Yến, sinh năm 1984, địa chỉ: Ấp P, xã H, huyện T1, tỉnh N. Có mặt.

- Người làm chứng: Nguyễn Gia K, sinh năm 1992; địa chỉ: ấp V, xã Tân M, huyện U, tỉnh B1; chỗ ở: Số 115A, khu phố C1, phường Đ, thị xã D, tỉnh B1. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 09 giờ ngày 01/12/2017, bị cáo Nguyễn Văn T điều khiển xe mô tô hiệu Yamaha Jupiter, biển số 68B1 – 257.94 từ phường G1, thị xã A, tỉnh B1 về phòng trọ tại Ấp P, xã H, huyện T1, tỉnh N. Đến khoảng 09 giờ 30 phút cùng ngày, khi đến trước nhà nghỉ Hoa Ban M thuộc tổ 34, khu phố C1, phường Đ, thị xã D, tỉnh B1, bị cáo T nhìn thấy chị Nguyễn Thị D đang điều khiển xe mô tô phía trước cùng chiều, trong túi quần bên trái của chị D có 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy J3 trôi ra ngoài. Bị cáo T liền điều khiển xe mô tô của mình chạy vượt lên, áp sát vào bên trái xe mô tô của chị D, dùng tay phải giật lấy chiếc điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy J3 trong túi quần của chị D rồi đưa điện thoại lên miệng và tăng ga bỏ chạy. Trong lúc bỏ chạy, bị cáo T dùng tay trái lấy điện thoại từ trên miệng bỏ vào túi áo khoác của mình. Sau khi bị giật điện thoại, chị D truy hô đồng thời điều khiển xe mô tô đuổi theo bị cáo. Lúc này có anh Nguyễn Gia K đang điều khiển xe mô tô trên đường nghe tiếng truy hô của chị D nên đã cùng chị D đuổi theo T. Khi đuổi theo đến khu vực trước công ty K thuộc khu phố C1, phường Đ, thị xã D, tỉnh B1 thì xe bị cáo T bị ngã nên anh K và chị D bắt giữ cùng tang vật. Sau đó, chị D và anh K báo tin cho lực lượng Công an phường Đ lập biên bản bắt người phạm tội quả tang.

Vật chứng thu giữ gồm: 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy J3 màu xanh ngọc; 01 xe mô tô hiệu Yamaha Jupiter, biển số 68B1 – 257.94.

Theo kết luận định giá tài sản của Hội đồng định giá thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương, kết luận: 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy J3 màu xanh ngọc, trị giá 2.800.000 đồng.

Kết luận định giá tài sản của Hội đồng định giá tài sản Dĩ An kết luận: 01 xe mô tô hiệu Yamaha Jupiter, biển số 68B1 – 257.94 có trị giá 15.000.000 đồng.

Tại cáo trạng số: 104/CT - VKS ngày 09 tháng 4 năm 2018, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương truy tố bị cáo Nguyễn Văn T về Tội cướp giật tài sản theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 136 Bộ luật Hình sự năm 1999, được sửa đổi năm 2009. Tại phiên tòa, trong phần tranh luận đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm d khoản 2 Điều 136; điểm g, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T với mức hình phạt từ 03 năm đến 04 năm tù và đề nghị xử lý vật chứng theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Văn T thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như trong bản cáo trạng đã nêu và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã Dĩ An, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng; người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng cũng không khiếu nại gì. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung: Khoảng 09 giờ 30 phút ngày 01/12/2017, tại trước nhà nghỉ Hoa Ban M thuộc tổ 34, khu phố C1, phường Đ, thị xã D, tỉnh B1, bị cáo Nguyễn Văn T điều khiển xe mô tô biển số 68B1 – 257.94 chạy áp sát bên phải xe mô tô của chị Nguyễn Thị D đang đi cùng chiều. Đồng thời bị cáo T dùng tay phải giật 01 điện thoại hiệu Samsung Galaxy J3 màu xanh ngọc trong túi quần của chị D và nhanh chóng tang ga bỏ chạy được đến khu vực trước Công ty K thuộc khu phố C1, phường Đ, thị xã D, tỉnh B1 thì bị anh Nguyễn Gia K và chị Nguyễn Thị D đuổi theo bắt giữ cùng tang vật.

Tại Điều 136 Bộ luật Hình sự quy định:

“2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ ba năm đến mười năm:

...

d) Dùng thủ đoạn nguy hiểm;

...”

Như vậy, hành vi của bị cáo Nguyễn Văn T đã đủ yếu tố cấu thành Tội cướp giật tài sản với tình tiết định khung dùng thủ đoạn nguy hiểm theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 136 Bộ luật Hình sự năm 1999, được sửa đổi bổ sung năm 2009.

Do đó Cáo trạng số: 104/CT-VKS ngày 09 tháng 4 năm 2018 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An và luận tội của Kiểm sát viên truy tố đối với bị cáo Nguyễn Văn T là có căn cứ đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Tính chất, mức độ của hành vi: Tội phạm do bị cáo thực hiện là rất nghiêm trọng, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người bị hại được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Bị cáo là người đã thành niên nhận thức rõ hành vi điều khiển xe mô tô áp sát xe đi cùng chiều để giật tài sản của người bị hại là vi phạm pháp luật và nguy hiểm đến tính mạng của người bị hại nhưng bị cáo vẫn cố tình thực hiện. Vì vậy, cần xử phạt bị cáo với mức án tù tương xứng với tính chất mức độ tội phạm đã thực hiện, có xét đến các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo, đủ để giáo dục, cải tạo và có tác dụng đấu tranh phòng ngừa chung.

[4] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có

[5] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại; tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, tỏ thái độ ăn năn hối cải. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999, được sửa đổi bổ sung năm 2009. Do đó Hội đồng xét xử xem xét áp dụng để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo, thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật đối với người phạm tội.

[6] Về nhân thân: Bị cáo có nhân thân tốt, có việc làm và chỗ ở ổn định, hoàn cảnh gia đình khó khăn, bị cáo không biết chữ nên khả năng nhận thức pháp luật bị hạn chế.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Tài sản bị cáo chiếm đoạt là 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy J3 màu xanh ngọc đã thu hồi giao trả cho người bị hại nên người bị hại không có yêu cầu bồi thường gì khác, do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về xử lý vật chứng: Đối với xe mô tô hiệu Yamaha Jupiter, biển số 68B1 – 257.94 do vợ bị cáo là chị Trần Thị Y đứng tên chủ sở hữu, tuy nhiên cả hai đều xác định xe này là tài sản chung của hai vợ chồng bị cáo T. Việc bị cáo sử dụng xe trên làm phương tiện phạm tội chị Yến không biết nên cần tịch thu sung quỹ $\frac{1}{2}$ giá trị xe, trả cho chị Y $\frac{1}{2}$ giá trị xe tương đương với số tiền 7.500.000 đồng. Tuy nhiên tại phiên tòa chị Y yêu cầu được nộp số tiền 7.500.000 vào Ngân sách nhà nước, để nhận xe mô tô trên làm phương tiện đi lại. Xét yêu cầu của chị Y là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về mức hình phạt đối với bị cáo và các vấn đề khác trong vụ án là phù hợp với quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[10] Về án phí: Bị cáo phải chịu theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T phạm Tội cướp giật tài sản.

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 136, điểm g, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn T 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 01/12/2017.

2. Về xử lý vật chứng:

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 41 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Tịch thu sung quỹ nhà nước $\frac{1}{2}$ giá trị xe mô tô hiệu Yamaha Jupiter, biển số 68B1 – 257.94, số khung 027610, số máy 059467, tương đương 7.500.000đ (bảy triệu năm trăm nghìn đồng); chị Trần Thị Y có trách nhiệm nộp vào ngân sách Nhà nước số tiền 7.500.000đ (bảy triệu năm trăm nghìn đồng) để nhận lại xe mô tô hiệu Yamaha Jupiter, biển số 68B1 – 257.94 nêu trên.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 10 tháng 4 năm 2018).

3. Về án phí sơ thẩm:

Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Nguyễn Văn T phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án; riêng người bị hại vắng mặt thời hạn kháng cáo 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã Dĩ An;
- Chi cục THADS thị xã Dĩ An;
- Công an thị xã Dĩ An;
- Phòng PV 27 CA tỉnh BD;
- Phòng BC 81 CA tỉnh BD;
- Bị cáo;
- Lưu: VT, HSVA, THAHS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Ngà